

**TÒA ÁN N DÂN
HUYỆN PHƯỚC SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HS-ST
Ngày 21-6-2019

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN PHƯỚC SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Lan

Các Hội thẩm N dân:

Ông Nguyễn Đức Toàn

Bà Hồ Thị Hồng Hảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thành- Thư ký Tòa án N dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát N dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án N dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2019/HS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn D; sinh ngày 18/12/1994; tại huyện P, tỉnh Q; Nơi cư trú: thôn 9 (nay là thôn 4), xã H, huyện P, tỉnh Q; nghề nghiệp: không ổn định; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: kinh; giới T: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn L (SN: 1957) và bà Nguyễn Thị S (SN: 1959); tiền án, tiền sự: không; về N thân: ngày 21/01/2013 bị Công an huyện Phước Sơn xử phạt hành chính 5.000.000đ về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn T; sinh ngày 08/3/1990 tại: huyện S, tỉnh Q; Nơi cư trú: thôn A, xã Q1, huyện S, tỉnh Q; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới T: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê D (SN: 1965) và bà Trần Thị B (SN: 1967); vợ: Phạm Thị Nhâm (SN: 1996) có hai con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Hồ Văn P, sinh năm: 1979; Nơi cư trú: thôn 1B (thôn 4), xã Phước Thành, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng nam, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Phạm Đình T1, sinh năm: 1963; Nơi cư trú: khối 2B (tổ dân phố số 2), thị trấn Khâm Đức, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

Nguyễn Văn N, sinh năm: 1962; Nơi cư trú: khối 2A (tổ dân phố số 2), thị trấn Khâm Đức, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 17/8/2018, khi đang ở trong lán trại của ông Lê D tại bãi vàng thôn 1A (nay là thôn 1) xã Phước Thành, Bùi Văn D rủ Lê Văn T vào lán trại của Hồ Văn P ở bãi vàng 5A, thôn 1B (nay là thôn 3) xã Phước Thành lấy trộm máng thủy ngân bán kiếm tiền. Để tránh sự nghi ngờ của mọi người, D và T đã bàn bạc, thống nhất với nhau sẽ thực hiện theo cách: Sáng mai (ngày 18/8/2018) hai người sẽ giả vờ đi ra khỏi bãi cho mọi người nhìn thấy, sau đó tối sẽ quay lại, vào lán trại của Hồ Văn P để lấy trộm máng thủy ngân.

Thực hiện theo kế hoạch, sáng ngày 18/8/2018, Bùi Văn D và Lê Văn T thu dọn đồ đạc, sau đó T điều khiển xe máy BKS 92H2- 0885 chở D đi về hướng thị trấn Khâm Đức, khi đến con suối gần UBND xã Phước Lộc thì dừng nghỉ lại. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, T điều khiển xe máy chở D quay lại và để xe ở khu vực Cầu Ván (thuộc thôn 5A, nay là thôn 3) xã Phước Thành. Hai người đi bộ đến lán trại của Hồ Văn P ở bãi vàng 5A (thuộc thôn 1B, nay là thôn 3) xã Phước Thành, lúc này trong lán trại có ông Hồ Văn T2 (sinh năm 1957, trú: thôn 4, xã P1) đang nằm ngủ trên võng. Bùi Văn D và Lê Văn T vào lán khiêng cái bàn để trên nắp rương gỗ để xuống đất, sau đó D đến chỗ đặt máy xay đá lấy một cái Kim bấm đứt dây sắt buộc khóa nắp rương gỗ, lấy ở bên trong 22 (hai mươi hai) tấm máng thủy ngân đã qua sử dụng mang ra ngoài lán trại. Bùi Văn D và Lê Văn T thay nhau vác 22 tấm máng thủy ngân đi bộ đến khu vực Cầu Ván, nơi để xe máy. Sau đó, T điều khiển xe chở D ngồi sau ôm 22 tấm máng thủy ngân đi ra thị trấn Khâm Đức.

Khoảng 05 giờ sáng ngày 19/8/2018, khi đến khu vực ngã ba đường lên chùa Yên Sơn (thuộc khối 6, nay là Tổ dân phố số 4, thị trấn Khâm Đức) thì hai người dừng lại nghỉ. Sau đó, một mình Bùi Văn D điều khiển xe máy chở 22 tấm máng thủy ngân đi bán cho ông Phạm Đình T1 và ông Nguyễn Văn N được số tiền là

10.000.000 đồng. D đưa cho T 5.000.000 đồng, sau đó hai người đi xe máy về huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, số tiền có được, D và T đã sử dụng hết.

Quá trình điều tra đã thu giữ: 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu VEMVIPI - SIRIUS màu đỏ đen, BKS 92H2-0885 của Lê Văn T và 01 (một) Kim bấm dài 16cm, nơi rộng nhất 05cm (phần cán tay cầm bọc bằng nhựa màu đỏ dài 09cm, phần mũi bằng sắt dài 07cm) do Hồ Văn P giao nộp.

Khi mua 22 tấm máng thủy ngân, Phạm Đình T1 và Nguyễn Văn N không biết đây là tài sản do phạm tội mà có; ngày 20/8/2018, Nguyễn Văn N đã đốt toàn bộ 22 tấm máng để tận thu vàng, do vậy không thu giữ được.

Kết luận định giá tài sản số: 20/KL-ĐG ngày 10/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Phước Sơn xác định: 22 (hai mươi hai) tấm máng thủy ngân đã qua sử dụng trong quá trình khai thác vàng có giá 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Tại bản Cáo trạng số: 03/CT-VKS-HS ngày 15 tháng 5 năm 2019 Viện kiểm sát N dân huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Bùi Văn D và Lê Văn T tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như: Các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi của mình, các bị cáo đã bồi thường thiệt hại và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo T có hoàn cảnh gia đình khó khăn, con còn nhỏ, vợ không có việc làm ổn định. Gia đình ông bà nội của bị cáo T có công với cách mạng và được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn D từ 09 đến 12 tháng tù. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 06 đến 09 tháng tù.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu xe máy nhãn hiệu VEMVIPI -SIRIUS màu đỏ đen, BKS 92H2-0885 của Lê Văn T để sung vào ngân sách Nhà nước. Tịch thu tiêu hủy 01 (một) Kim bấm dài 16cm, nơi rộng nhất 05cm (phần cán tay cầm bọc bằng nhựa màu đỏ dài 09cm, phần mũi bằng sắt dài 07cm).

Các bị cáo đồng ý luận tội của Viện kiểm sát và xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại đồng ý với luận tội của Viện kiểm sát và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát N dân huyện Phước Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với quy định của pháp luật; các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn D và Lê Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào đêm ngày 17/8/2018, tại lán trại của ông Lê D (bố ruột của T) Bùi Văn D rủ Lê Văn T đi trộm cắp tài sản là máng thủy của ông Hồ Văn P bán kiếm tiền tiêu xài. Lúc đầu Lê Văn T không đồng ý và nói với D “*Nếu làm như vậy thì họ sẽ nghi ngờ tội mình không có được đâu*”. Sau đó D và T bàn bạc với nhau và thống nhất: Sáng ngày mai (18/8/2018), D và T giả vờ đi ra Khâm Đức cho mọi người thấy, sau đó quay trở lại để lấy máng thủy của ông P. Làm như vậy để đánh lạc hướng của mọi người. Khoảng 09 giờ ngày 18/8/2018, D và T đi xe máy từ bãi vàng thôn 1 xã Phước Thành đến con suối gần UBND xã Phước Lộc thì nằm lại chờ đến đêm để đột nhập vào lán trại ông P lấy trộm máng thủy ngân. Đến khoảng 21 giờ thì D và T quay lại lán trại của ông P, lúc này khoảng 00 giờ, T đứng ở ngoài, D vào trong dùng Kim mở rương gỗ lấy máng thủy đưa ra khỏi lán. D và T thay nhau vác máng thủy đến nơi để xe máy. T chở D cùng 22 tấm máng thủy ra Khâm Đức. Sau đó, D đem 22 tấm máng thủy bán cho ông T1 và ông N được 10.000.000đ, D đưa cho T 5.000.000đ. D và T dùng số tiền trộm cắp được tiêu xài cá nhân.

Tại phiên tòa bị hại Hồ Văn P khai: Vào sáng ngày 19/8/2018, tại lán trại của Hồ Văn P ở bãi vàng 5A (thuộc thôn 1B, nay là thôn 3) xã Phước Thành đã bị mất 22 tấm máng thủy ngân, P dùng để khai thác vàng khoảng 1 năm, theo suy đoán của P 22 tấm máng thủy ngân có giá trị khoảng 50.000.000đ. Qua điều tra và theo kết luận của Hội đồng định giá thì 22 tấm máng thủy ngân của P có giá trị là 10.000.000đ, P đồng ý và đề nghị các bị cáo bồi thường cho P số tiền 10.000.000đ. Như vậy, trên cơ sở lời khai của các bị cáo, bị hại đã có đủ cơ sở để khẳng định hành vi của các bị cáo đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo qui định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự như Cáo trạng Viện kiểm sát N dân huyện

Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam truy tố là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. *Xét T chất vụ án và hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy:* Bị cáo Bùi Văn D và Lê Văn T biết trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có tiền để tiêu xài cá nhân mà không muốn lao động nên D và T đã bàn bạc, lên kế hoạch nhằm đánh lạc hướng mọi người để lén lút trộm cắp 22 máng thủy ngân của ông Hồ Văn P. Các bị cáo phạm tội có tổ chức. Xét về vai trò của từng bị cáo thì bị cáo D là người khởi xướng việc đi trộm cắp tài sản, rủ T và được T đồng ý, bị cáo D cũng là người trực tiếp mở rương gỗ và đưa máng thủy ngân ra khỏi lán trại của ông P và là người trực tiếp đi bán máng thủy ngân sau đó chia tiền cho bị cáo T. Mặt khác, năm 2013, bị cáo D đã bị xử phạt hành chính, điều này cho thấy nhân thân của bị cáo D không tốt bị cáo coi thường pháp luật. Vì vậy cần xử phạt bị cáo D mức hình phạt nghiêm khắc hơn bị cáo T. Đối với bị cáo T khi được D rủ đi trộm cắp máng thủy ngân, lúc đầu T không đồng ý vì sợ mọi người phát hiện. Đáng lẽ ra T phải cương quyết và khuyên can D không thực hiện hành vi trộm cắp vì vi phạm pháp luật. Đáng này, T và D lại bàn bạc với nhau lên kế hoạch để đánh lạc hướng mọi người và cùng thực hiện hành vi trộm cắp. T là người dùng xe máy của mình để chở D đi trộm cắp, T đứng ở ngoài cảnh giới cho D và cùng D vác máng thủy ngân ra khỏi lán trại ông P. Hành vi của T là giúp sức tích cực cho D. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm tài sản của người khác và làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn trên địa bàn huyện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo T mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội để bị cáo có thời gian cải tạo trở thành người có ích cho xã hội.

[4]. *Xét luận tội của Đại diện viện kiểm sát:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như: các bị cáo phạm tội chưa có tiền án, tiền sự khai báo thành khẩn, các bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo qui định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự là có cơ sở cần được chấp nhận.

Tại bản Cáo trạng Viện kiểm sát đề nghị truy thu số tiền 10.000.000đ do D và T bán 22 tấm máng thủy ngân để sung công quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát rút phần đề nghị truy thu số tiền này. Hội đồng xét xử xét thấy việc không đề nghị truy thu là có cơ sở nên chấp nhận.

[5]. *Về các tình tiết định khung hình phạt:*

Các bị cáo phạm tội có tổ chức nên áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự để xử phạt các bị cáo.

[6]. *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:*

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không vi phạm tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo D và T phạm tội chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo T phạm tội lần đầu, các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại và bị hại xin giảm nhẹ

hình phạt cho các bị cáo. Đối với bị cáo T có ông, bà nội có công với cách mạng được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba. Gia đình bị cáo T khó khăn, con còn nhỏ, vợ không có việc làm ổn định nên áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo T. Áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt các bị cáo dưới khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố cũng đã đủ tác dụng giáo dục đối với các bị cáo.

Không xử phạt bổ sung vì các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

[7]. Đối với Phạm Đình T1 và Nguyễn Văn N là người đã mua 22 tấm máng thủy ngân của D và T. Tuy nhiên, T1 và N không biết đó là tài sản do D và T trộm cắp mà có nên không xử lý trách nhiệm đối với T1 và N.

[8]. *Về trách nhiệm dân sự:*

Thiệt hại mà bị cáo D và T gây ra cho ông P là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông P 5.000.000đ. Tuy nhiên, bị cáo T đã bồi thường cho ông P số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng) (trong đó bồi thường phần bị cáo 5.000.000đ và bồi thường giùm cho bị cáo D 3.000.000đ). Tại phiên tòa bị cáo D đã bồi thường số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) còn lại cho ông P và ông P không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9]. *Về xử lý vật chứng:*

Quá trình điều tra đã thu giữ: 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu VEMVIPI-SIRIUS màu đỏ đen, BKS 92H2-0885 của Lê Văn T và 01 (một) Kim bấm dài 16cm, nơi rộng nhất 05cm (phần cán tay cầm bọc bằng nhựa màu đỏ dài 09cm, phần mũi bằng sắt dài 07cm) do Hồ Văn P giao nộp.

Áp dụng điểm a khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu xe máy nhãn hiệu VEMVIPI -SIRIUS màu đỏ đen, BKS 92H2-0885 của Lê Văn T (xe này là tài sản T mua trước khi kết hôn) do T dùng xe máy làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nên tịch thu để sung vào ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa qua xét hỏi không xác định được chủ sở hữu của 01 (một) Kim bấm dài 16cm, nơi rộng nhất 05cm (phần cán tay cầm bọc bằng nhựa màu đỏ dài 09cm, phần mũi bằng sắt dài 07cm), hơn nữa Kim không còn giá trị nên tịch thu để tiêu hủy.

[10]. *Về án phí hình sự sơ thẩm:*

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn D và Lê Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo:

Bùi Văn D: 12 (mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được T từ ngày bắt đi thi hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo:

Lê Văn T: 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được T từ ngày bắt đi thi hành án.

- *Về xử lý vật chứng:*

Áp dụng điểm a khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu xe máy nhãn hiệu VEMVIPI -SIRIUS màu đỏ đen, BKS 92H2-0885 của Lê Văn T để sung vào ngân sách Nhà nước.

Tịch thu 01 (một) Kim bấm dài 16cm, nơi rộng nhất 05cm (phần cán tay cầm bọc bằng nhựa màu đỏ dài 09cm, phần mũi bằng sắt dài 07cm) để tiêu hủy.

Vật chứng hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Sơn đang tạm giữ theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14/5/2019.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu: 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*).

Bị cáo; bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Cơ quan tiến hành tố tụng
- Những người tham gia tố tụng
- Sở tư pháp Q.Nam
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Thị Lan